

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 11 năm 2022

THÔNG BÁO

Về việc hoàn tất thủ tục nhập học

Đối với thí sinh đã nộp Hồ sơ dự tuyển tại Trường CĐ Lý Tự Trọng TP.HCM

Căn cứ Quyết định số 2863/QĐ-ĐHSPKT ngày 16 tháng 9 năm 2022 của Hiệu trưởng trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật về việc ban hành Quy định thu học phí năm học 2022-2023,

Để công tác tổ chức nhập học được thực hiện tốt, trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh thông báo đến các thí sinh đã trúng tuyển đại học hệ Vừa làm vừa học theo Quyết định số 3462/QĐ-ĐHSPKT ngày 24 tháng 11 năm 2022 như sau:

I. Thời gian thực hiện thủ tục nhập học:

- Thí sinh nhận giấy báo và làm thủ tục nhập học tại nơi nộp Hồ sơ dự tuyển đến hết ngày 23/12/2022.
- **Lệ phí nhập học (Học phí Học kỳ 2/2022-2023:** Thông tin chi tiết trên Giấy báo Trúng tuyển nhập học.
- **Hồ sơ nhập học** bao gồm:
 1. Giấy báo nhập học.
 2. 02 ảnh 3x4 (chụp mới trong vòng 3 tháng).
 3. Giấy khám sức khỏe do phòng khám quận, huyện cấp (trong vòng 6 tháng).
 4. Các giấy tờ khác còn thiếu khi nộp hồ sơ dự tuyển (nếu có).

II. Thời khóa biểu: Dự kiến bắt đầu từ 30/01/2023

Từ ngày 16/01/2023, sinh viên truy cập trang web của Phòng Đào tạo Không chính quy theo link: <http://nmo.hcmute.edu.vn> để lấy Hướng dẫn kích hoạt tài khoản online và email cá nhân do Trường cung cấp. Mọi thông tin về thời khóa biểu, mức học phí, lịch học vụ... sẽ được gửi tới tài khoản cá nhân của sinh viên.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- BGH (để biết);
- Tr. CĐ Lý Tự Trọng TP.HCM;
- Các thí sinh;
- Lưu: VT, ĐTKCQ.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG
ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
KỸ THUẬT
TP. HỒ CHÍ MINH
PGS.TS. Lê Hiếu Giang

Số: 3462/QĐ-ĐHSPKT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về Điểm chuẩn xét tuyển sinh Đại học hình thức Vừa làm vừa học

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM KỸ THUẬT TP. HCM**

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định số 937/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị quyết số 99/NQ-HĐT ngày 21 tháng 10 năm 2022 của Hội đồng trường về công tác cán bộ lãnh đạo trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 2180/QĐ-ĐHSPKT ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Hiệu trưởng trường ĐH Sư phạm Kỹ thuật TP.HCM về Kiện toàn Hội đồng tuyển sinh Đại học hình thức Vừa làm vừa học 2022;

Căn cứ Đề án tuyển sinh đại học 2022 của trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM;

Theo đề nghị của thường trực Hội đồng tuyển sinh VLVH năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều kiện và số lượng thí sinh trúng tuyển vào hệ Đại học hình thức Vừa làm vừa học- Đợt Tháng 12/2022 của trường ĐH Sư Phạm Kỹ Thuật TP.HCM, địa điểm học tại trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM như sau:

- Điểm chuẩn và số lượng trúng tuyển theo ngành/khối: (Danh sách thí sinh kèm theo)

Stt	Khối	Ngành	Mã ngành TS	Điểm chuẩn TT		Số lượng TT
				TD 10	TD 4	
1	Liên thông từ Cao đẳng	Công nghệ thông tin	7480201LC	6.50	2.15	20
2	Liên thông từ Cao đẳng	Công nghệ chế tạo máy	7510202LC	6.50	2.15	33
3	Liên thông từ Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật ô tô	7510205LC	6.50	2.15	68
4	Liên thông từ Cao đẳng	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	7510301LC	6.50	2.15	41
Tổng						162

Điều 2. Trưởng các Phòng/Ban, Khoa, các Đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên trong Danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Tr.CĐ Lý Tự Trọng TP.HCM;
- HĐTS VLVH 2022;
- Lưu: VT; ĐTKCQ, 5b.

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Hiếu Giang

V
NG
S
HU
CHI
★

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2022

Địa điểm: **Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.Hồ Chí Minh**

(Danh sách kèm theo Quyết định số: **3462/QĐ-ĐHSPKT** ngày **14** tháng **11** năm 2022)

Đối tượng: **Liên thông từ Cao đẳng**

Ngành: **Công nghệ thông tin**

Điểm chuẩn TT: 6.5 (thang điểm 10) hoặc 2.15 (thang điểm 4)

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
1	LTT-LT-TT12	Trương Văn Võ Anh	22/12/2000	Nam	7480201	CĐN/KSTH	6.92		TT	Tin học ứng dụng	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
2	LTT-LT-TT13	Nguyễn Quốc Bảo	02/02/2001	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.75		TT	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
3	LTT-LT-TT14	Lâm Gia Bảo	13/10/2001	Nam	7480201	CĐN/KSTH	8.23		TT	Lập trình máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
4	LTT-LT-TT15	Trần Trịnh Quốc Bảo	15/11/2002	Nam	7480201	CĐN/KSTH	6.88		TT	Lập trình máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
5	LTT-LT-TT16	Huỳnh Minh Đạo	24/10/2002	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.00		TT	Lập trình máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
6	LTT-LT-TT18	Lê Hồng Hải	25/02/1998	Nam	7480201	CĐN/KSTH	6.63		TT	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
7	LTT-LT-TT19	Phan Minh Hiếu	11/08/2001	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.27		TT	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
8	LTT-LT-TT110	Nguyễn Tăng Huy	21/02/2000	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.67		TT	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
9	LTT-LT-TT111	Đặng Lâm Huỳnh	15/06/2000	Nam	7480201	CĐN/KSTH	6.66		TT	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
10	LTT-LT-TT112	Lê Chí Hưng	07/05/2002	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.02		TT	Lập trình máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
11	LTT-LT-TT113	Nguyễn Hồng Gia Hưng	25/10/2000	Nam	7480201	CĐN/KSTH	6.71		TT	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
12	LTT-LT-TT115	Trần Quang Linh	24/09/2002	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.41		TT	Lập trình máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
13	LTT-LT-TT116	Trần Đình Lộc	16/04/2001	Nam	7480201	CĐN/KSTH	6.99		TT	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
14	LTT-LT-TT117	Trần Vũ Luân	24/11/2000	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.89		TT	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
15	LTT-LT-TT118	Huỳnh Kim Sang	09/04/1998	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.50		TT	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
16	LTT-LT-TT119	Nguyễn Tấn Tài	29/04/2002	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.00		TT	Lập trình máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
17	LTT-LT-TT120	Nguyễn Minh Tân	28/02/2001	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.18		TT	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
18	LTT-LT-TT121	Bùi Quang Trường	20/01/2001	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.43		TT	Lập trình máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
19	LTT-LT-TT122	Lê Thế Vinh	02/03/1999	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.18		TT	Lập trình máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
20	LTT-LT-TT123	Liêu Nguyễn Bá Vương	08/05/2002	Nam	7480201	CĐN/KSTH	7.42		TT	Quản trị mạng máy tính	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH

CHỦ TỊCH



PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Hiếu Giang

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2022

Địa điểm: **Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.Hồ Chí Minh**

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 3462/QĐ-ĐHSPKT ngày 24 tháng 11 năm 2022)

Đối tượng: Liên thông từ Cao đẳng

Ngành: Công nghệ chế tạo máy

Điểm chuẩn TT: 6.5 (thang điểm 10) hoặc 2.15 (thang điểm 4)

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TD 10	TD 4							Số cuốn	Số biên lai
1	LTT-LT-C15	Võ Sĩ Cồ	10/07/2001	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.88		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
2	LTT-LT-C17	Trần Tiến Đạt	28/07/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.00		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
3	LTT-LT-C18	Quảng Quốc Phát	22/10/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.39		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
4	LTT-LT-C19	Hồ Hải Đăng	04/11/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.27		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
5	LTT-LT-C110	Huỳnh Khải Định	31/07/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.59		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
6	LTT-LT-C111	Bùi Hoàng Giang	09/10/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.27		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
7	LTT-LT-C112	Nguyễn Trường Giang	17/11/1998	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.66		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
8	LTT-LT-C113	Trần Hoàng Hải	13/04/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.01		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
9	LTT-LT-C114	Lê Nhật Hào	30/11/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.66		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
10	LTT-LT-C115	Nguyễn Thị Hậu	02/05/1999	Nữ	7510202	CĐN/KSTH	7.48		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
11	LTT-LT-C116	Võ Quốc Hùng	27/09/2002	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.26		TT	Cắt gọt kim loại	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
12	LTT-LT-C117	Phan Lâm Huy	20/01/2001	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.56		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
13	LTT-LT-C118	Phạm Văn Huy	02/03/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.83		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
14	LTT-LT-C119	Cao Đức Huynh	01/02/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.69		TT	Công nghệ chế tạo máy	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
15	LTT-LT-C120	Nguyễn Tấn Hưng	29/09/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.32		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
16	LTT-LT-C121	Trần Gia Khang	29/11/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.85		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
17	LTT-LT-C122	Dương Vĩ Khang	08/03/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.32		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
18	LTT-LT-C123	Trần Đăng Khoa	07/09/1997	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.52		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
19	LTT-LT-C124	Nguyễn Tuấn Lạc	18/09/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.16		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
20	LTT-LT-C125	Nguyễn Chi Lăng	05/05/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.66		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
21	LTT-LT-C127	Ngô Thanh Bảo Long	28/04/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.30		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
22	LTT-LT-C128	Đoàn Thành Luân	23/11/2001	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.76		TT	Công nghệ chế tạo máy	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
23	LTT-LT-C129	Nguyễn Hoàng Ngọc	26/02/1999	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.00		TT	Công nghệ chế tạo máy	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
24	LTT-LT-C130	Lê Phước Nhã	19/11/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.64		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
25	LTT-LT-C131	Nguyễn Đức Phong	25/09/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.34		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
26	LTT-LT-C132	Châu Kim Phước	06/09/1998	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.97		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
27	LTT-LT-C133	Đỗ Huỳnh Minh Quang	25/10/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.44		TT	Công nghệ chế tạo máy	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
28	LTT-LT-C134	Phạm Thành Tàu	28/01/1993	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.50		TT	Cắt gọt kim loại	Trường Cao đẳng nghề An Giang	300,000	80,000	220,000		

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
29	LTT-LT-C135	Nguyễn Phước Tân	16/11/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	8.11		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
30	LTT-LT-C136	Đỗ Thái Tông	08/11/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.09		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
31	LTT-LT-C137	Nguyễn Duy Tuấn	07/03/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.52		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
32	LTT-LT-C138	Nguyễn Công Thạch	01/01/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	6.61		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
33	LTT-LT-C139	Võ Minh Thương	01/12/2000	Nam	7510202	CĐN/KSTH	7.05		TT	Công nghệ Kỹ thuật Cơ khí	Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		



DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2022

Địa điểm: **Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.Hồ Chí Minh**

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 3462 /QĐ-ĐHSPKT ngày 24 tháng 11 năm 2022)

Đối tượng: Liên thông từ Cao đẳng

Ngành: Công nghệ kỹ thuật ô tô

Điểm chuẩn TT: 6.5 (thang điểm 10) hoặc 2.15 (thang điểm 4)

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
1	LTT-CT-OT11	Huỳnh Văn Huy	15/08/1998	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.34		TT	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương VI	300,000	80,000	220,000		
2	LTT-CT-OT13	Phạm Hoàng Minh	02/10/1995	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	6.68		TT	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức	300,000	80,000	220,000		
3	LTT-CT-OT14	Lê Thanh Nhã	12/04/1991	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	6.91		TT	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	80,000	220,000		
4	LTT-CT-OT15	Đình Vĩnh Phú	04/02/1997	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	6.68		TT	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
5	LTT-CT-OT16	Lâm Thanh Sinh	26/11/1997	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.05		TT	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương VI	300,000	80,000	220,000		
6	LTT-CT-OT17	Nguyễn Hồng Sơn	06/12/1998	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.74		TT	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	Cao đẳng Kỹ thuật Cao Thắng	300,000	80,000	220,000		
7	LTT-CT-OT18	Trương Minh Tuấn	15/10/1996	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	6.50		TT	Công nghệ Ô tô	Đại học Công nghiệp TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
8	LTT-CT-OT19	Phan Ngọc Tuấn	04/10/1995	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.13		TT	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
9	LTT-LT-OT113	Nguyễn Trường An	03/01/2001	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.82		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
10	LTT-LT-OT114	Đặng Nguyễn Bách	02/10/2000	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.31		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
11	LTT-LT-OT115	Lê Quang Bảo	13/02/2000	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	6.53		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
12	LTT-LT-OT117	Đặng Văn Bin	01/08/2000	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	6.96		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
13	LTT-LT-OT118	Võ Văn Bình	02/12/1999	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	8.50		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương III	300,000	80,000	220,000		
14	LTT-LT-OT119	Nguyễn Văn Thành Công	29/12/1999	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	6.64		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
15	LTT-LT-OT120	Trịnh Hữu Chí	12/09/2001	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	8.60		TT	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	Cao đẳng Giao thông Vận tải TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
16	LTT-LT-OT121	Huỳnh Ngọc Diệp	08/07/1999	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	6.65		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
17	LTT-LT-OT123	Trần Hải Dương	16/03/1998	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	6.64		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
18	LTT-LT-OT124	Nguyễn Tô Thành Đạt	05/11/2002	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	6.77		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
19	LTT-LT-OT126	Vô Minh Điền	17/10/2000	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.31		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
20	LTT-LT-OT128	Huỳnh Tuấn Được	12/02/2000	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	7.01		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
21	LTT-LT-OT129	Nguyễn Đông Guôi	01/01/2000	Nam	7510205	CĐCN/KSTH	6.69		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
51	LTT-LT-OT163	Nguyễn Đức Tâm	13/05/2000	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.21		TT	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	Cao đẳng Viễn Đông	300,000	80,000	220,000		
52	LTT-LT-OT164	Võ Thành Tân	19/06/2000	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.18		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
53	LTT-LT-OT165	Nguyễn Văn Tân	26/06/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.85		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
54	LTT-LT-OT166	Nguyễn Thanh Tiến	04/01/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.60		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
55	LTT-LT-OT167	Phạm Năng Tĩnh	03/02/1999	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.62		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
56	LTT-LT-OT168	Bùi Quốc Toàn	12/11/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.16		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
57	LTT-LT-OT169	Trần Quốc Toản	26/01/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.88		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
58	LTT-LT-OT170	La Thanh Tuấn	16/01/1999	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.90		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương III	300,000	80,000	220,000		
59	LTT-LT-OT171	Nguyễn Tấn Thành	14/08/2000	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.61		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
60	LTT-LT-OT172	Trương Quốc Thảo	02/12/1999	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.84		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
61	LTT-LT-OT173	Nguyễn Hoàng Thiện	11/08/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.01		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
62	LTT-LT-OT174	Võ Vĩnh Thịnh	02/12/2002	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.36		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
63	LTT-LT-OT175	Lê Bảo Thịnh	06/02/2000	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.13		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
64	LTT-LT-OT176	Trương Hoàng Thông	24/04/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.69		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
65	LTT-LT-OT177	Trần Minh Trung	18/07/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.10		TT	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	Cao đẳng Giao thông Vận tải TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
66	LTT-LT-OT178	Trần Nhật Trường	19/04/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	7.02		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
67	LTT-LT-OT179	Phan Minh Trường	29/01/2001	Nam	7510205	CĐN/KSTH	8.30		TT	Công nghệ kỹ thuật Ô tô	Cao đẳng Giao thông Vận tải TP.HCM	300,000	80,000	220,000		
68	LTT-LT-OT180	Phạm Thạch Vũ	16/09/1999	Nam	7510205	CĐN/KSTH	6.62		TT	Công nghệ Ô tô	Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.HCM	300,000	80,000	220,000		

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Hiếu Giang

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ VỪA LÀM VỪA HỌC NĂM 2022

Địa điểm: **Cao đẳng Lý Tự Trọng TP.Hồ Chí Minh**

(Danh sách kèm theo Quyết định số: 3462/QĐ-ĐHSPKT ngày 24 tháng 11 năm 2022)

Đối tượng: Liên thông từ Cao đẳng

Ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

Điểm chuẩn TT: 6.5 (thang điểm 10) hoặc 2.15 (thang điểm 4)

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên		Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTK		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
								TD 10	TD 4							Số cuốn	Số biên lai
1	LTT-CT-D12	Phan Trọng	Nghĩa	08/8/1994	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.83		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	80,000	220,000		
2	LTT-CT-D14	Bùi Quốc	Phong	21/01/1996	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.50		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
3	LTT-CT-D15	Lê Nguyễn Trường	Son	25/09/1994	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.72		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	80,000	220,000		
4	LTT-CT-D17	Lê Hoàng	Tuấn	06/01/1998	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.57		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng kỹ thuật Cao Thắng	300,000	80,000	220,000		
5	LTT-CT-D18	Ngô Anh	Tuấn	15/9/1996	Nam	7510301	CĐCN/KSTH		2.76	TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng kinh tế kỹ thuật TPHCM	300,000	80,000	220,000		
6	LTT-CT-D19	Phạm Mộc	Thành	31/5/1992	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	8.28		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng kinh tế kỹ thuật TPHCM	300,000	80,000	220,000		
7	LTT-CT-D112	Nguyễn Thị Phi	Yến	29/01/1998	Nữ	7510301	CĐCN/KSTH	7.77		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
8	LTT-LT-D113	Huỳnh Khắc	Cường	03/11/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.42		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
9	LTT-LT-D114	Nguyễn Đăng	Cường	17/07/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.43		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
10	LTT-LT-D116	Lê Chí	Đại	23/4/1999	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.07		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
11	LTT-LT-D117	Lê Thị Ngọc	Hạnh	14/01/2001	Nữ	7510301	CĐCN/KSTH	7.18		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
12	LTT-LT-D118	Mai Văn	Hiền	16/5/1998	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.55		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
13	LTT-LT-D119	Ông Quốc	Hòa	09/11/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.31		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
14	LTT-LT-D120	Bùi Văn	Huy	07/12/1999	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.60		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
15	LTT-LT-D122	Nguyễn Đức	Huy	02/6/2001	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.96		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
16	LTT-LT-D124	Đỗ Duy	Khiêm	01/8/1998	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	8.12		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
17	LTT-LT-D125	Lê Đăng	Khoa	28/9/2002	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.93		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
18	LTT-LT-D126	Lê Đức	Linh	20/5/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.74		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
19	LTT-LT-D127	Bùi Thanh	Lộc	11/7/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	6.77		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
20	LTT-LT-D128	Bùi Đình	Nam	18/8/1997	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	8.33		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
21	LTT-LT-D129	Phạm Văn	Nhân	13/4/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	8.17		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
22	LTT-LT-D130	Trần Thị Mỹ	Oanh	29/8/1999	Nữ	7510301	CĐCN/KSTH	7.97		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
23	LTT-LT-D131	Nguyễn Anh	Phong	10/10/2000	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.67		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
24	LTT-LT-D132	Vũ Văn	Son	19/03/1996	Nam	7510301	CĐCN/KSTH	7.20		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng GTVT Trung ương III	300,000	80,000	220,000		

Stt	Mã hồ sơ	Họ và tên	Ngày sinh	Phái	Mã ngành	Bằng TN	TBTk		KQ	Ngành gốc	Trường gốc	Lệ phí	Trích lại	Thực thu	Biên lai	
							TĐ 10	TĐ 4							Số cuốn	Số biên lai
25	LTT-LT-D133	Đặng Văn Tâm	25/3/1999	Nam	7510301	CĐN/KSTH	6.87		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
26	LTT-LT-D134	Đào Minh Tâm	23/6/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.31		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
27	LTT-LT-D135	Huỳnh Ngọc Tân	21/02/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.27		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
28	LTT-LT-D136	Nguyễn Minh Tiến	14/11/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.60		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
29	LTT-LT-D137	Hoàng Văn Tiệp	31/5/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	6.74		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
30	LTT-LT-D138	Vũ Ngọc Châu Tuấn	10/11/1999	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.98		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
31	LTT-LT-D139	Trần Nguyễn Anh Tuấn	1998	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.04		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
32	LTT-LT-D140	Trần Quốc Thái	02/3/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.83		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
33	LTT-LT-D142	Nguyễn Hữu Thịnh	19/6/1991	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.41		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
34	LTT-LT-D143	Nguyễn Phương Trung	17/10/2001	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.50		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
35	LTT-LT-D145	Võ Trần Quốc Việt	10/01/1998	Nam	7510301	CĐN/KSTH	8.25		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
36	LTT-LT-D146	Nhữ Đình Vinh	09/01/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.06		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
37	LTT-LT-D147	Nguyễn Quang Vinh	10/9/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.89		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
38	LTT-LT-D148	Nguyễn Minh Vũ	13/8/2000	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.34		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
39	LTT-LT-D149	Nguyễn Hoàng Vũ	15/3/1996	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.44		TT	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
40	LTT-LT-D150	Nguyễn Phan Ngọc Vũ	16/4/1999	Nam	7510301	CĐN/KSTH	7.01		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		
41	LTT-LT-D152	Lư Chí Vỹ	06/11/2002	Nam	7510301	CĐN/KSTH	6.76		TT	Điện công nghiệp	Cao đẳng Lý Tự Trọng TPHCM	300,000	80,000	220,000		

TM. HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
CHỦ TỊCH

PHÓ HIỆU TRƯỞNG
PGS.TS. Lê Hiếu Giang